

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 13.01.2020 Phiên bản 1.2

## Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

### 1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	111452
Tên sản phẩm	Phthaldialdehyde for fluorometry
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	643-79-8

### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck ( <a href="http://www.merckgroup.com">www.merckgroup.com</a> ).
--	---

### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

### 1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

## Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

Ăn mòn Kim loại, Nhóm 1, H290  
Độc tính cấp tính, Nhóm 3, Đường miệng, H301  
Ăn mòn da, Nhóm 1 B, H314  
Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317  
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Nhóm 1, H400  
Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

## 2.2 Các yếu tố nhãn

### Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo  
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H290 Có thể ăn mòn kim loại.  
H301 Độc nếu nuốt phải.  
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.  
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.  
H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bất kỳ triệu chứng nào: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.

### Ghi nhãn bị giảm ( $\leq 125$ ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo  
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H301 Độc nếu nuốt phải.  
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.  
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

### Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bản khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Số CAS 643-79-8

### 2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Công thức	$C_6H_4-1,2-(CHO)_2$	$C_8H_6O_2$ (Hill)
Số EC	211-402-2	
Khối lượng mol	134,13 g/mol	

### Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại  
o-phthaldialdehyde (<= 100 % )

643-79-8 \*)

Ăn mòn Kim loại, Nhóm 1, H290

Độc tính cấp tính, Nhóm 3, H301

Ăn mòn da, Nhóm 1 B, H314

Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Nhóm 1, H400

Nhân tố M: 10

\*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H để cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

---

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Nếu nuốt phải: cho uống nước (nhiều nhất là hai ly). Tìm trợ giúp y tế ngay lập tức. Chỉ trong trường hợp đặc biệt, nếu không được chăm sóc y tế trong vòng một giờ, hãy gây nôn mửa (chỉ ở người hoàn toàn tỉnh táo), c ho dùng than hoạt tính (20 - 40 g trong bùn 10%) và tham khảo ý kiến bác sĩ nhanh nhất có thể. Không cố trung hòa.

### 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Kích ứng và ăn mòn, Các phản ứng dị ứng, Ho, Khó thở  
Rủi ro bị mù!

### 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

---

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

### 5.1 Các phương tiện chữa cháy

*Các phương tiện chữa cháy phù hợp*  
Nước, Bọt, Carbon điôxit (CO<sub>2</sub>), Bột khô

*Các phương tiện chữa cháy không phù hợp*

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Nguy cơ nổ bụi.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

### 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

*Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa*

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

*Thông tin khác*

Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

---

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi.

Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Trang 4 của 12

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

---

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

### 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Cầm cẩn thận. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

### 6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

---

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

*Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn*  
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

*Các biện pháp vệ sinh*

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

*Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa*  
Không dùng bình chứa kim loại.

*Điều kiện lưu trữ*

Được bảo vệ tránh ánh sáng.

Đóng chặt. Khô. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

---

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

#### Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

#### Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

---

*Bảo vệ mắt/mặt*  
Kính bảo hộ vừa khí

*Bảo vệ tay*  
tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile  
Độ dày của găng: 0,11 mm  
Thời gian thấm: 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile  
Độ dày của găng: 0,11 mm  
Thời gian thấm: 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

*Thiết bị bảo hộ khác*  
quần áo bảo hộ

*Bảo vệ hô hấp*  
bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 3 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn và lỏng của các hóa chất độc và rất độc

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

### **Kiểm soát phơi nhiễm môi trường**

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

---

## **Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học**

### **9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu vàng nhạt
Mùi đặc trưng	đặc tính
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	7 ở 53 g/l 20 °C
Điểm/khoảng nóng chảy	52 - 58 °C

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 111452  
Tên sản phẩm Phthaldialdehyde for fluorometry

---

Điểm sôi/khoảng sôi	83 - 84 °C ở 1 hPa
Điểm chớp cháy	132 °C
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	Không có thông tin.
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,13 g/cm <sup>3</sup> ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	53 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 1,43 (được tính) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (Lít)
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	> 100 °C
Độ nhớt, động lực	2,3 mPa.s ở 65 °C
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	Không áp dụng được
<b>9.2 Các dữ liệu khác</b>	
Nhiệt độ bốc cháy	480 °C
Mật độ lớn	Khoảng 530 kg/m <sup>3</sup>
Ăn mòn	Có thể ăn mòn kim loại.

---

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

---

Nguy cơ nổ bụi.  
Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.  
Khoảng từ 15 độ Kelvin dưới điểm chớp được xếp hạng là nguy hiểm.

## 10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:  
Amin, Amoniac, Chất oxy hóa

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao.

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

Các kim loại

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

---

## Phần 11. Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

*Độc tính cấp theo đường miệng*  
LD50 Chuột: 178 mg/kg

(MSDS bên ngoài)

Triệu chứng: Nếu ăn phải, sẽ gây bong nặng miệng và cổ họng, cũng như có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày.

*Độc tính cấp do hít phải*

Triệu chứng: kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể:, hư hỏng khoang hô hấp

*Độc tính cấp qua da*  
LD50 Chuột: > 2.000 mg/kg  
(MSDS bên ngoài)

*Kích ứng da*

Thỏ

Kết quả: Gây bong.

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Gây bong.

*Kích ứng mắt*

Rủi ro bị mù!

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

---

## *Nhạy cảm*

Kiểm tra cảm giác (Magnusson và Kligman):  
Kết quả: Dương tính  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406

Có thể gây phản ứng dị ứng da.

## *Biến đổi tế bào gốc*

*Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm*  
Xét nghiệm Ames  
Kết quả: Âm tính  
Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 471

## *Độc tính gây ung thư*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính đối với sinh sản*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính gây quái thai*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần*

Thông tin này không có sẵn.

## *Nguy cơ hô hấp*

Thông tin này không có sẵn.

## **11.2 Thông tin khác**

Sau khi hấp thụ:

Chúng tôi không có mô tả về bất kỳ triệu chứng ngộ độc nào.

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

---

## **Phần 12. Thông tin sinh thái học**

### **12.1 Độc tính**

#### *Độc đối với cá*

LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng): 0,07 mg/l; 96 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

#### *Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác*

EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 0,09 mg/l; 48 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

#### *Độc đối với tảo*

Thử nghiệm tĩnh EC50 *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục): 0,22 mg/l; 96 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

### **12.2 Tính bền vững và phân hủy**

Không có thông tin.

### **12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học**

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 111452  
Tên sản phẩm Phthaldialdehyde for fluorometry

---

Hệ số phân tán: *n*-octanol/nước  
log Pow: 1,43  
(được tính)

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (Lít)

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

## 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

*Các thông tin sinh thái khác*  
Cần tránh thải loại vào môi trường.

---

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

*Các phương pháp xử lý chất thải*

Rác thải phải được vớt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem [www.retrologistik.com](http://www.retrologistik.com) để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

---

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

### Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 2923
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	CORROSIVE SOLID, TOXIC, N.O.S. (PHTHALDIALDEHYDE)
14.3 Hạng	8 (6.1)
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	E

### Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

### Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 2923
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	CORROSIVE SOLID, TOXIC, N.O.S. (PHTHALDIALDEHYDE)
14.3 Hạng	8 (6.1)
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 111452  
Tên sản phẩm Phthaldialdehyde for fluorometry

---

**14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng** không

## Vận tải đường biển (IMDG)

**14.1 Số UN** UN 2923  
**14.2 Tên vận chuyển thích hợp** CORROSIVE SOLID, TOXIC, N.O.S. (PHTHALDIALDEHYDE)  
**14.3 Hạng** 8 (6.1)  
**14.4 Nhóm đóng gói** II  
**14.5 môi trường độc hại** có  
**14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng** có  
EmS F-A S-B

**14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC**  
Không liên quan

---

## Phần 15. Thông tin pháp luật

### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

*Luật pháp quốc gia*  
Lớp cất giữ 6.1A

### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

---

## Phần 16. Các thông tin khác

### Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H290 Có thể ăn mòn kim loại.  
H301 Độc nếu nuốt phải.  
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.  
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.  
H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

### Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

111452  
Phthaldialdehyde for fluorometry

## Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo  
Nguy hiểm

### Cảnh báo nguy hiểm

H290 Có thể ăn mòn kim loại.  
H301 Độc nếu nuốt phải.  
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.  
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.  
H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

### Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bất kỳ triệu chứng nào: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.

## Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

*Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.*

Cảnh xúy dựng thđng hiệu ở ầu trang v#/hoặc chđng trang của tđng liệu nđng c# thể tạm thời khđng ph# hợp trực quan với sản phẩm đợc mua khi chđng tđng chuyển ổi thđng hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tđng liệu liđng quan ến sản phẩm vẫn khđng thay ổi v# ph# hợp với sản phẩm đợc ặt hđng. ể biết thđng tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).